TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 11 - 9 -2019
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Trúc Lâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLPT – HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về: "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Tuyết H; cư trú tại: Ấp P, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tô Vĩnh H1– Luật sư Công ty Luật TNHH M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn V; cư trú tại: Ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Công T – Luật sư Văn phòng Luật sư G thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng công chứng C, trụ sở tại: Đường X, Phường O, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Anh Đoàn Văn V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 22 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn chị Triệu Tuyết H trình bày: Chị và anh Đoàn Văn V kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố L tỉnh Vĩnh Long. Chị và anh V chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn V. Về con chung: Không có. Chị có người con riêng tên Triệu Thúy Q, sinh ngày 28/8/2003. Tài sản chung: Chị và anh V đã thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn phản tố ngày 29/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Văn V trình bày: Anh và chị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng không có con chung. Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản gồm: Thửa đất số 30, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại ấp P, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long; một xe ôtô tải nhãn hiệu Suzuki, biển số 64C-037.43 và một xe ôtô nhãn hiệu Toyota, biển số 64A-047.61; một xe môtô nhãn hiệu Honda, biển số 64C1-128.80; một sổ tiết kiệm số tiền 500.000.000 đồng và một sổ tiết kiệm số tiền 2.950.000.000 đồng đều gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố L.

Vào ngày 21/11/2018 anh có ký Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn hôn, phần anh được hưởng thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. Chị H được hưởng thửa đất số 30, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại ấp P, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Lon; một xe ôtô tải nhãn hiệu Suzuki, biển số 64C-037.43 và một xe ôtô nhãn hiệu Toyota, biển số 64A-047.61; một xe môtô nhãn hiệu Honda, biển số 64C1- 128.80; một sổ tiết kiệm số tiền 500.000.000 đồng và một sổ tiết kiệm số tiền 2.950.000.000 đồng đều gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố L. Cùng ngày 21/11/2018 chị Hằng đã ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long cho anh V để làm thủ tục sang tên, vì thửa đất nêu trên chị H và anh V đứng tên. Anh V cho rằng việc ký văn bản nêu trên để tránh các con riêng của anh tranh chấp sau này, thật sự không phải là chia tài sản chung. Khi ký xong, chị H bán chiếc xe môtô SH được 180.000.000 đồng và rút số tiền gửi 2.950.000.000 đồng, từ đó anh thấy bị lừa dối. Vì vậy, anh yêu cầu vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân ký ngày 21/11/2018 và vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long ký ngày 21/11/2018. Đồng thời, anh yêu cầu chia lại tài sản chung như sau:

- Phần chị H được chia gồm: Một sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam –Chi nhánh thành phố L số tiền 2.950.000.000 đồng; một xe môtô SH chị H bán được 180.000.000 đồng.

- Phần anh được chia gồm: Thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 30, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại ấp P, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long một xe ôtô tải nhãn hiệu Suzuki, biển số 64C-037.43 và một xe ôtô nhãn hiệu Toyota, biển số 64A-047.61 và một sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố L số tiền 500.000.000 đồng. Khi phân chia có chênh lệch về tài sản thì anh sẽ hoàn lại phần chênh lệch cho chị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 38; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 156; Khoản 1 Điều 165 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 213 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho chị Triệu Tuyết H được ly hôn với anh Đoàn Văn V.

2.Về nuôi con chung:

- Không có con chung, giao cháu Triệu Thúy Q, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2003 (con riêng của chị H) cho chị Hằng tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Các bên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Văn V, về việc yêu cầu vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long ký cùng ngày 21/11/2018.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Văn V, về việc yêu cầu chia lại tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với chị Triệu Tuyết H.

- Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long ký cùng ngày 21/11/2018 có hiệu lực buộc các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

- Trường hợp một trong hai bên không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao tài sản, thì bên có quyền hưởng tài sản được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có

thẩm quyền thi hành đối với bên không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao tài sản theo thỏa thuận ngày 21/11/2018.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 556/2018/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2019, bị đơn anh Đoàn Văn V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

- Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 12736 ngày 21/11/2018 đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 06, diện tích 875m^2 tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- Hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân số 12734 ngày 21 tháng 11 năm 2018.

- Phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, anh yêu cầu được hưởng ½ giá trị. Việc phân chia như sau:

Anh yêu cầu được nhận hiện vật đối với: Phần đất thửa 259, tờ bản đồ số 6, diện tích 875m^2 tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long, trị giá 240.000.000 đồng; thửa đất số 30, tờ bản đồ số 11, diện tích 691,2m^2, tọa lạc tại ấp P, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long, trên đất có căn nhà cấp 4, trị giá nhà đất 240.000.000 đồng; xe ôtô biển số 64C-037.43; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00007586664, phát hành ngày 17/9/2018, số tiền gửi 500.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố L.

Anh đồng ý giao chị cho chị Triệu Tuyết H: Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00007586703, phát hành ngày 25/9/2018; số tiền gửi 2.950.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố L (chị H đã rút và giữ số tiền); xe mô tô hiệu Honda biển số 64C- 128.80, trị giá 180.000.000 đồng (chị H đã bán và giữ tiền); xe ôtô hiệu Toyota, biển số 64C-047.61, trị giá 1.100.000.000 đồng. Chị H phải hoàn lại cho anh phần chênh lệch số tiền 211.719.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Triệu Tuyết H và anh Đoàn Văn V kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Về quan hệ hôn nhân, cấp sơ thẩm xử cho chị H được ly hôn với anh V, về con chung không có, giao cháu Triệu Thúy Q, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2003 (con riêng của chị H) cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Phần cấp dưỡng các bên không yêu cầu giải quyết. Các phần này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Ngày 22/4/2019, bị đơn anh Đoàn Văn V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 12736 ngày 21/11/2018 đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 06, diện tích 875m^2 tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long, hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân số 12734 ngày 21 tháng 11 năm 2018 và phân chia lại tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, anh yêu cầu được hưởng ½ giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh V và chị H thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung: Trong đó anh V được quyền sử dụng phần đất thửa 259, được sở hữu vật kiến trúc và các cây lâu năm gắn liền với phần đất này, chị H có nghĩa vụ giao cho anh V được sở hữu số tiền 800.000.000 đồng sau khi đã trừ số tiền đưa trước 200.000.000 đồng, giao cho anh V được sở hữu chiếc xe ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu Suzuki biển số 64C-037.43, do chị Triệu Tuyết H đứng tên, trị giá 240.000.000 đồng. Chị H được quyền sử dụng thửa đất 30, được sở hữu các vật kiến trúc gắn liền với phần đất này, chị H được hưởng lợi nhuận từ việc cho thuê trạm Mobiphone, được sở hữu xe ô tô Toyota, loại Camry, biển số 64C- 047.61, trị giá 1.100.000.000 đồng, do chị H đứng tên, được sở hữu xe mô tô hiệu Honda SH biển số 64C- 128.80, trị giá 180.000.000 đồng (chị H đã bán và giữ tiền) và được sở hữu toàn bộ số tiền gửi ngân hàng (gồm 2.950.000.000 đồng chị H đã rút và 500.000.000 đồng đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố L.

Sau đó anh V đồng ý rút yêu cầu: Vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long ký cùng ngày 21/11/2018 và rút yêu cầu phân chia lại tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với chị Triệu Tuyết H. Anh V rút yêu cầu kháng cáo. Chị H đồng ý với việc rút toàn bộ yêu cầu nêu trên của anh V. Để anh V và chị H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy việc rút yêu cầu nêu trên của anh V và sự đồng ý của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy hủy phần 3 quyết định của bản án sơ thẩm về chia tài sản và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với phần này. Cụ thể phần hủy và đình chỉ vụ án như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Văn V, về việc yêu cầu vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long ký cùng ngày 21/11/2018.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Văn V, về việc yêu cầu chia lại tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với chị Triệu Tuyết H.

- Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp A, xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long ký cùng ngày 21/11/2018 có hiệu lực buộc các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

- Trường hợp một trong hai bên không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao tài sản, thì bên có quyền hưởng tài sản được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành đối với bên không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao tài sản theo thỏa thuận ngày 21/11/2018.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 556/2018/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố L.

[3] Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và án phí:

Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng anh V phải chịu và đã nộp xong.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 5, Điểm b Khoản 7 Điều 27 Khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, anh V phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và ½ án phí dân sự phúc thẩm bằng 150.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với việc phân chia tài sản, do anh V rút đơn yêu cầu và chị H đồng ý. Các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhận thấy phát biểu của vị Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5, Điểm b Khoản 7 Điều 27 Khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Hủy phần 3 quyết định về chia tài sản của Bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long và đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần này.

2. Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng anh V phải chịu và đã nộp xong.

3. Chị Triệu Tuyết H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 4123 ngày 23/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Anh Đoàn Văn V phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và ½ án phí dân sự phúc thẩm bằng 150.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp: 600.000 đồng theo biên lai thu số 4210 ngày 14/12/2018, 39.250.000 đồng biên lai thu số 4183 ngày 05/12/2018 và 300.000 đồng biên lai thu số 4510 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, số tiền còn lại 39.400.000 đồng hoàn trả cho anh V.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CATANDTVL: 01b;
- TANDTPL: 01b;
- THADSTPL: 02b;
- UBND xã N: 01b
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án: 03b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn